TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày 15-8-2019
V/v: " *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI- TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Hồng Ngoan

2/ Ông Trịnh Thanh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Vân– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*: Bà Trương Thị Thy- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, về việc: " Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"**,** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-DS ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1978, có mặt

Trú tại: Xóm A, thôn B, xã C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

* Bị đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1966, có mặt

Trú tại: Tổ A, phường B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản trình bày, các phiên làm việc và tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:* Ngày 23/01/2018 bà Lê Thị Q có mượn của tôi số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả nợ là 15 ngày kể từ ngày viết giấy nợ. Tiếp đến ngày

16/4/2018 bà Lê Thị Q mượn với số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả nợ là 20 ngày kể từ ngày viết giấy mượn nợ.

Tổng cộng bà Q mượn với số tiền là 40.000.000đ. Khi mượn tiền thì hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Q phải trả cho tôi số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); tôi không yêu cầu tính lãi.

** Trong bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa bị đơn Lê Thị Q trình bày:* Vào ngày 23/01/2018 tôi có mượn của bà Võ Thị P số tiền là 20.000.000đ, thời hạn trả nợ là 15 ngày kể từ ngày viết giấy nợ. Trong giấy nợ không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất nhưng trong thực tế hai bên có thỏa thuận lãi là 3.200.000đ/ 15 ngày. Tôi đã trả lãi được một tháng như thỏa thuận; sau đó tôi đã trả nợ gốc. Việc tôi trả nợ gốc trên vào ngày tháng năm nào tôi không nhớ cụ thể. Khi trả nợ gốc thì tôi cũng không lập biên bản gì và cũng không lấy lại giấy mượn tiền trên. Tiếp đến ngày 16/4/2018 tôi có mượn bà Võ Thị P với số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả nợ là 20 ngày kể từ ngày viết giấy mượn nợ.

Nay tôi khẳng định tôi chỉ còn nợ bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mượn vào ngày 16/4/2018. Ngoài ra tôi không còn nợ gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thẩm phán, thư ký đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp tốt các quy định pháp luật. Người làm chứng không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 77, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nợ gốc và không xem xét về nợ lãi.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị P nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Tòa đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 23/01/2018 bà Võ Thị P có cho bà Lê Thị Q vay số tiền 20.000.000đ; tiếp đến ngày

16/4/2018 bà Võ Thị P cho bà Lê Thị Q vay tiếp với số tiền 20.000.000đ; tổng cộng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); cả hai lần vay hai bên có viết giấy mượn tiền và hẹn ngày trả. Bị đơn bà Lê Thị Q thừa nhận có vay hai lần với tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nhưng đã trả một lần số tiền nợ gốc là 20.000.000đ tại quán cà phê Thủy Vương. Tại phiên tòa bà Võ Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Q phải trả cho bà số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); ngoài ra bà không yêu cầu gì.

Xét lời trình bày của bà Lê Thị Q cho rằng đã trả số tiền vay ngày 23/01/2018 cho bà Võ Thị P số tiền nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), việc trả tiền nợ này có người chứng kiến nên hiện nay bà chỉ còn nợ bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vay vào ngày 16/4/2018; Hội đồng xét xử xét thấy quá trình làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa Tòa án đã yêu cầu bà Lê Thị Q cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ nợ gốc đã vay vào ngày 23/01/2018 nhưng bà Lê Thị Q vẫn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã trả cho bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và Tòa án đã yêu cầu bà Lê Thị Q cung cấp họ, tên địa chỉ cụ thể những người làm chứng mà bà Q cho rằng đã chứng kiến việc bà trả nợ cho bà P nhưng bà Q vẫn không cung cấp được cho Tòa án. Tại phiên tòa bà Q mới cung cấp và yêu cầu triệu tập người làm chứng.

Quá trình làm việc với người làm chứng bà Phan Thị Thu B và bà Võ Thị N đều trình bày tại quán cà phê Thủy Vương thì có thấy bà Q trả nợ cho bà P với số tiền 20.000.000đ nhưng không biết là loại tiền gì và trả vào ngày tháng năm nào. Khi trả nợ thì không lập biên bản và cũng không thu hồi giấy nợ gốc; việc chứng kiến trên của bà B, bà N là không có cơ sở để chứng minh cho việc bà Lê Thị Q đã trả cho bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ nợ gốc. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của người làm chứng về việc bà Lê Thị Q đã trả nợ cho bà Võ Thị P số tiền nợ gốc là 20.000.000đ đã vay vào ngày 23/01/2018.

Với chứng cứ mà bà Võ Thị P giao nộp cho Tòa án thì xác định 02 hợp đồng vay tài sản giữa bà Võ Thị P với bà Lê Thị Q với tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ; bà Lê Thị Q cho rằng bà đã trả cho bà Võ Thị P số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo giấy vay mượn vào ngày 23/01/2018 là không có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P buộc bà Lê Thị Q phải trả cho bà Võ Thị P số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Về nợ lãi: Bà Võ Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Q phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Lê Thị Q phải trả cho bà Võ Thị P số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thì hành xong thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trương hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Q phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho bà Võ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000452, ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng